

<i>Dinatriphosphat khan</i>	7,76g
<i>Magne glycerophosphat</i>	1,74g

Tác dụng : Tăng phospho cho cơ thể, kích thích hoạt tính của tế bào xương.

Chì định : Loãng xương, nhuyễn xương.
Tăng co giật, tăng calci niệu, sỏi vôi, gãy xương.

Chống chì định : Tăng phospho huyết, kèm suy thận. Giảm calci huyết.

Liều dùng : Người lớn : uống 150-200 giọt, chia 2-3 lần, uống vào mỗi bữa ăn. Trẻ em 10 tuổi, uống 5 giọt/ngày. Trẻ em 10-15 tuổi, uống 75-100 giọt/ngày.

Lưu ý : Liều dùng tăng dần để đạt hiệu quả mong muốn. Không dùng cho trẻ em dưới 30 tháng. Dùng lâu dài cần theo dõi sự vôi hóa ngoài xương. Có thể bị buồn nôn, nôn, đau dạ dày.

Phosphorylcholin

Dẫn xuất muối calci:
Epaspes

Dẫn xuất muối magne :
Heparexin(Pháp)

Dạng thuốc : Gói thuốc cẩm 0,75g phosphorylcholin (muối Mg)

Tác dụng : Lợi mật- Nhuận tràng.

Chì định : Chậm tiêu- dày bụng- táo bón.

Liều dùng : Uống : 4-6 gói/ngày, trước bữa ăn.

Duy trì : 2-4 gói/ngày, trước bữa ăn- Lợi mật : uống 2 gói buổi sáng, lúc đói.

Chống chì định : Suy thận nặng.

Phytin

Calci và magne inosito-hexaphosphat

Dạng thuốc : Viên nén 0,25g, thuốc cẩm 10%.

Tác dụng : Thu được từ cám gạo. Bồi dưỡng Calci và Phospho.

Chì định : Suy nhược thần kinh, kém ăn, trẻ em chậm lớn, chậm mọc răng.

Liều dùng : Người lớn : ngày 0,5-1g. Trẻ em : 0,25 đến 1g/ngày.

Phytol (XNDP2/9 - Nadyphar)

Dạng thuốc : Lọ 120ml dd uống (cứ 100ml dd có 30ml cao Actisô).

Chì định : Các bệnh về gan (xem "cynara scolymus")

Liều dùng : Người lớn ngày 2 lần x 1 thia cà phê.

Trẻ em : nửa liều trên.

Placentafil (Pháp)

Dạng thuốc : Ống tiêm 2ml và 5ml dùng đắp tại chỗ.

Tác dụng : Bảo vệ từ rau thai theo phương pháp Philatlop (10%). Có tác dụng, kích thích dinh dưỡng không đặc hiệu.

Chì định : Vết thương lành chậm, ghép giác mạc, thấp khớp thoái hóa, hư khớp. Người già sút, ánh hường đèn toàn thân, nhất là ở người đứng tuổi. Cân thị nặng tiến triển.

Liều dùng : Ngày tiêm dưới da hoặc bắp thịt 1 ống 2ml. Đợt dùng 18-24 ngày. Thâm vào gạc dung dịch trong ống 5ml để đắp tại chỗ.

Lưu ý : Rất hiếm xảy ra mẩn đỏ hoặc mày đay.

Plantacid (Indonesia)

Dạng thuốc : Viên nén đẻ nhai/5ml dịch treo chữa

<i>Mg hydroxyd</i>	300mg / 500mg
<i>Al hydroxyd</i>	300mg / 400mg
<i>Dimeticon</i>	30mg / 100mg

Tác dụng : Chống acid dịch vị và dày hơi.

Chì định : Điều trị triệu chứng đau vùng thượng vị, đau dạ dày do tăng acid dịch vị, viêm dạ dày, loét dạ dày- tá tràng.

Liều dùng : Uống 1 giờ sau bữa ăn hoặc khi đi ngủ buổi tối 1-2 viên nén hoặc 5-10ml dịch treo. Nếu bị nặng cứ 2 giờ có thể uống 1 lần như trên.

Lưu ý : Không nên dùng liên tục quá 2 tuần.

Biệt dược tương tự : *Antigas plus* (Canada).

Plantago ovata

Biệt dược : *Igor (Raptakos Brett)*

Dạng thuốc : Thuốc cẩm gói 6g, có Plantago ovata 3,932g

Tác dụng : Cây thuốc họ Mă đè. Thuốc dạng vảy, hút nước nhanh, tạo thành khối nhão, 1g thuốc + 20ml nước đẻ 1 giờ sẽ tạo hơn 20ml khối nhão. Tác dụng chủ yếu do các polysacharid, giữ nước, kích thích cơ tròn, tăng nhu động ruột, tạo khối phân,